TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DSST
Ngày: 05/4/2022
V/v: " Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh
Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận
Ông Phạm Thành Đô

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm "Tranh chấp hợp đồng tín dụng " thụ lý số: 225/2020/DSST, ngày 23/10/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2021/QĐST - DS ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N (N Bank)

Trụ sở: 201 -203, đường Y, P.4, Q.3, T.p H.
Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc L, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm: 1996 (có mặt)
Địa chỉ: 6/11-11A-13, đường H, P.8, Q.5, T.p H.
Theo văn bản ủy quyền số 253/UQ- AMC ngày 23/9/2020 của Ngân hàng TMCP N (Công ty AMC – N Bank).

- *Bị đơn*: anh Lê Trần Công T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2020 và quá trình thụ lý vụ án người đại diện theo ủy quyền anh Nguyễn Quốc K trình bày:

Ngày 08/01/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần N – Chi nhánh T tại phòng giao dịch H (sau đây viết tắt là Ngân hàng N) có ký kết hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0013/2019/925-CV với anh Lê Trần Công T nội dung anh T vay số tiền 1.000.000.000đ, lãi suất 1.25%/tháng, ngân hàng có điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ, thời hạn vay 180 tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất thửa số 553, tờ bản đồ số 19, diện tích thế chấp 702,3m2, tọa lạc tại ấp X, xã S, huyện C, tỉnh A, đứng tên Lê Trần Công T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 467982, vào sổ GCN số CH 02937 do UBND huyện C, tỉnh A cấp ngày 15/9/2017. Qúa trình thực hiện hợp đồng anh T đóng được 02 kỳ cụ thể ngày 08/02/2019 anh T đóng được 5.556.000đ tiền gốc và 10.616.438đ tiền lãi, tiếp tục ngày 08/03/2019 anh T đóng được 5.556.000đ tiền gốc và 9.535.764đ tiền lãi. Mức lãi suất trong thời gian qua được điều chỉnh cụ thể ngày 08/4/2017 lãi suất biến động là 13,05%/năm, ngày 08/7/2019 lãi suất biến động là 14,55%/năm, ngày 08/10/2019 đến nay lãi suất biến động là 14,7%/năm. Như vậy, tính đến nay anh T còn nợ ngân hàng N số tiền gốc là 988.888.000đ, lãi suất trong hạn là 396.341.215đ, lãi suất quá hạn là 67.044.371đ, lãi phạt chậm trả là 60.903.434đ; tổng cộng là 1.513.177.020đ. Nay ngân hàng N yêu cầu anh Lê Trần Công T trả đủ số tiền 1.513.177.020đ, trường hợp sau ngày xét xử anh T cũng chưa thanh toán đủ cho ngân hàng N thì ngân hàng yêu cầu anh T phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo hợp động tín dụng đã ký kết với ngân hàng N. Khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật anh T vẫn không trả nợ theo hợp đồng thì ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thửa số 553, tờ bản đồ số 19, diện tích thế chấp 702,3m2, tọa lạc tại ấp Xuân Hòa 2, xãS, huyện C, tỉnh A, đứng tên anh Lê Trần Công T để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật. Ngoài ra, ngân hàng N không yêu cầu gì thêm. Tài liệu chứng cứ như đã giao nộp trong hồ sơ vụ án.

Bị đơn anh Lê Trần Công T:

Qua xác minh tại xã Đ được biết anh Lê Trần Công T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện B, tỉnh P nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương khoảng 04 năm nay, hiện nay anh T không có mặt tại địa phương, địa phương không biết anh T đang cư trú tại đâu. Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, đã thông báo trên đài truyền hình trung ương, báo trung ương nhưng anh T không liên hệ, không đến Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung căn cứ các Điều 463, 466, 468 của bộ Luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc anh Lê Trần Công T trả số tiền gốc là 988.888.000đ, lãi suất trong hạn là 396.341.215đ, lãi suất quá hạn là 67.044.371đ, lãi phạt chậm trả là 60.903.434đ; tổng cộng là 1.513.177.020đ cho Ngân hàng TMCP N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, L diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N về việc yêu cầu anh Lê Trần Công T trả khoản nợ gốc còn lại là 988.888.000đ, lãi suất trong hạn là 396.341.215đ, lãi suất quá hạn là 67.044.371đ, lãi phạt chậm trả là 60.903.434đ; tổng cộng là 1.513.177.020đ cho Ngân hàng N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 0013/2019/925-CV ký kết ngày 08/01/2019 tại phòng giao dịch H giữa Ngân hàng N – Chi nhánh T - Phòng giao dịch H với anh Lê Trần Công T, giấy nhận nợ số 01/GNN-0013/2019/925 –CV ngày 08/01/2019 giữa Ngân hàng N với anh Lê Trần Công T, hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp số 0012/2019/925 – BĐ ký kết ngày 08/01/2019 tại Văn phòng công chứng L. Xác định được ngày 08/01/2019 anh Lê Trần Công T có vay vốn tại Ngân hàng N số tiền là 1.000.000.000đ, lãi suất cho vay sẽ do ngân hàng N quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay, tại thời điểm vay ấn định mức lãi là 12,5%/năm, thời hạn vay 180 tháng, trả lãi vào ngày 08 hàng tháng, định kỳ mỗi tháng trả một lần trả lần đầu tiên là ngày 08/02/2019, trả không đúng hạn lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay, lãi suất chậm trả là 10%/năm, bên B vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào của hợp đồng thì bên A có quyền thu hồi nợ.

Qúa trình thực hiện hợp đồng: theo lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định anh T đã trả được số tiền gốc và lãi 02 kỳ cụ thể tiền gốc là 11.112.000đ, tiền lãi là 20.152.203đ. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết và quyết định điều chỉnh mức lãi suất; thời gian tính lãi quá hạn từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 08/4/2019 đến nay ngày 05/4/2022 số tiền gốc chưa trả là 988.888.000đ, lãi suất trong hạn là 396.341.215đ, lãi suất quá hạn là 67.044.371đ, lãi phạt chậm trả là 60.903.434đ; tổng cộng là 1.513.177.020đ. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466, 468 của bộ Luật Dân sự 2015 có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh T trả số tiền nợ gốc còn lại là 988.888.000đ, lãi suất trong hạn là 396.341.215đ, lãi suất quá hạn là 67.044.371đ, lãi phạt chậm trả là 60.903.434đ; tổng cộng là 1.513.177.020đ cho Ngân hàng N.

Về tài sản thế chấp là diện tích đất 702,3m2 tọa lạc tại ấp X, xã S, huyện C, tỉnh A do anh Lê Trần Công T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ, đại diện

ngân hàng N yêu cầu giải quyết theo quy định, căn cứ Điều 157 của bộ Luật Tố tụng dân sự buộc anh T phải nộp theo quy định.

Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của bộ Luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, 96, Điều 147, 157 Điều 266 và Điều 273 của bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Lê Trần Công T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N, chi nhánh T, phòng giao dịch H số tiền nợ gốc là 988.888.000đ, lãi suất trong hạn là 396.341.215đ, lãi suất quá hạn là 67.044.371đ, lãi phạt chậm trả là 60.903.434đ; tổng cộng là 1.513.177.020đ.

Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là diện tích đất 702,3m2 tọa lạc tại ấp X, xã S, huyện C, tỉnh A do anh Lê Trần Công T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác: Buộc bị đơn anh Lê Trần Công T phải nộp số tiền án phí DSST là 57.395.000đ; hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.331.500đ theo biên lai thu tiền số 015748 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng. Về chi phí tố tụng khác buộc anh Lê Trần Công T trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ.

3. Quyền kháng cáo bản án: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 0013/2019/925-CV ngày 08/01/2019 ký kết giữa Ngân hàng N chi

nhánh Tân Định với anh Lê Trần Công T tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thùy Linh